TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 7 – QUẢNG NGÃI** **TỈNH QUẢNG NGÃI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 60/2026/HS-ST.
Ngày: 14/4/2026.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 – QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Tiến.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Hả.

2. Ông Nguyễn Thanh Phúc.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Trịnh Diệu Linh - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7 – Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Ông Trần Viết Quyền - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7 – Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 39/2026/TLST-HS ngày 06 tháng 3 năm 2026 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 59/2026/QĐXXST-HS ngày 01 tháng 4 năm 2026 đối với các bị cáo:

1. A S, sinh ngày 10 tháng 10 năm 1999 tại tỉnh Quảng Ngãi; số căn cước công dân 062099006740; nơi cư trú: Thôn P, phường K, tỉnh Quảng Ngãi; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 01/12; dân tộc: Ba Na; giới tính: Nam; tôn giáo: Công giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông A B (đã chết) và bà Y L, sinh năm 1954; bị cáo chưa có vợ, con. Tiền sự: Không.

Tiền án: 01. Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 62/2020/HS-ST ngày 03/6/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum xử phạt bị cáo A S 60 tháng tù về tội "Cướp giật tài sản" theo điểm d khoản 2 Điều 171 BLHS. Ngày 30/11/2024 chấp hành xong hình phạt tù *(Chưa được xóa án tích)*.

* Nhân thân: Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 89/2017/HS-ST ngày 27/12/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum xử phạt bị cáo A S 18 tháng tù về tội "Cướp giật tài sản" theo điểm d khoản 2 Điều 136 BLHS. Ngày 08/10/2018 chấp hành xong hình phạt tù *(đã được xóa án tích)*. Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 21/9/2025 đến nay có mặt tại phiên tòa.

2. A B1, sinh ngày 29 tháng 9 năm 2001 tại tỉnh Quảng Ngãi; số căn cước công dân 062201000951; nơi cư trú: Thôn P, phường K, tỉnh Quảng Ngãi; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 07/12; dân tộc: Ba Na; giới tính: Nam; tôn giáo: Công

giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông A B2, sinh năm 1974 và bà Y H, sinh năm 1975; bị cáo chưa có vợ, con. Tiền án, tiền sự: Không.

* Nhân thân: Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 142/2020/HS-ST ngày 15/12/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum xử phạt bị cáo A B1 06 (Sáu) tháng tù về tội "Cố ý gây thương tích" theo điểm a, i khoản 1 Điều 134 BLHS. Ngày 18/02/2021 chấp hành xong hình phạt tù *(đã được xóa án tích)*. Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 21/9/2025 đến nay có mặt tại phiên tòa.

- *Bị hại:* Cháu Phạm Thị Mỹ T, sinh ngày 18/8/2009.

Người đại diện hợp pháp: Bà Nguyễn Thị H1 là mẹ ruột.

Cùng địa chỉ: Thôn A, xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Anh A T1, sinh năm 1999. Vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn K, xã N, tỉnh Quảng Ngãi.

2. Anh A B3, sinh năm 1999. Vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn P, phường K, tỉnh Quảng Ngãi.

3. Anh Huỳnh Công P, sinh năm 1983. Vắng mặt.

Địa chỉ: Số D T, phường K, tỉnh Quảng Ngãi.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 13 giờ 00 phút ngày 20/9/2025, A B1 đi bộ từ nhà ở thôn P, phường K, tỉnh Quảng Ngãi ra tiệm Internet ở địa chỉ B đường L, phường K, tỉnh Quảng Ngãi để chơi game. A B1 ngồi chơi game đến khoảng 16 giờ 30 phút cùng ngày thì nhìn thấy A T1 cũng đang ngồi chơi game tại đây. A B1 nói A T1 cho mượn xe mô tô (xe Sirius, biển kiểm soát 82B1-096.31, màu đen đỏ) để đi về nhà ăn cơm, thì A T1 đồng ý. A B1 điều khiển xe đến nhà thờ thuộc thôn P, phường K, tỉnh Quảng Ngãi thì gặp A S đang đi bộ trên đường. A B1 rủ A S đi dạo thì A S đồng ý và ngồi phía sau để A B1 chở. Cả hai đi dạo trên đường P (hướng từ cầu Đ đi xã Đ), khi đến ngã tư đường P - T thuộc phường K, tỉnh Quảng Ngãi thì dừng đèn đỏ. Lúc này, A B1 nhìn thấy một người phụ nữ là chị Phạm Thị Mỹ T đang ngồi trên xe mô tô dựng ở phía bên kia đường, tay cầm điện thoại giơ lên phía trước để chụp hình nên A B1 chỉ về hướng người phụ nữ này và nói với A S "*có điện thoại kìa, có lấy không*", A S nhìn theo hướng A B1 chỉ rồi trả lời "*có*". Sau đó, A B1 điều khiển xe đi đến ngã tư với đường P thì quay đầu ngược lại. Khi đến ngã tư đường P - T, A B1 điều khiển xe mô tô áp sát chỗ T đang ngồi trên xe mô tô, A S ngồi sau dùng tay phải giật chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Sam Sung A13, màu đen trên tay T. Giật được điện

thoại, A B1 tăng ga bỏ chạy thẳng đường T rồi về tiệm Internet ở địa chỉ B đường L, phường K, tỉnh Quảng Ngãi. Đến tiệm Internet, A S đứng ngoài còn A B1 vào trong để trả chìa khóa xe cho A T1 rồi A B1, A S đi bộ về thôn P. Khi về đến thôn P thì A B1 và A S mượn xe mô tô loại xe Wave, không có biển số xe của A B3 nói đi có việc thì A B3 đồng ý. Sau đó, A S chở A B1 đi đến nhà anh Hồ Công P1 tại số D đường T, phường K, tỉnh Quảng Ngãi để bán chiếc điện thoại trên cho P1 được số tiền 700.000 (Bảy trăm nghìn) đồng, A B1 và A S chia đôi mỗi người được 350.000 đồng. Sau đó, A S chở A B1 đi về trả xe cho A B3, A B1 tiếp tục đi bộ ra tiệm Internet để chơi game và tiêu hết số tiền 310.000 đồng còn lại 40.000 đồng bị thu giữ, A S đi về nhà và tiêu xài cá nhân hết số tiền 350.000 đồng. Sau khi bị giật chiếc điện thoại di động T đã đến Cơ quan Công an để trình báo sự việc. Đến khoảng 20 giờ cùng ngày thì lực lượng Công an mời A S, A B1 về trụ sở làm việc.

Kết luận định giá tài sản số: 08/KL-HĐĐGTS ngày 25/11/2025 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong tố tụng hình sự phường K kết luận: Giá trị tài sản của 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung A13 màu đen, hoạt động bình thường, màn hình bị nứt chảy mực tại thời điểm chiếm đoạt có giá trị là **1.250.000** (Một triệu hai trăm năm mươi nghìn) đồng.

Tại Bản Cáo trạng số 68/CT-VKSKV7 ngày 05/3/2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Quảng Ngãi đã truy tố bị cáo A S về tội "*Cướp giật tài sản*" theo quy định tại điểm d, i khoản 2 Điều 171 Bộ luật hình sự và truy tố bị cáo A B1 về tội "*Cướp giật tài sản*" theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra và nội dụng cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Quảng Ngãi; các bị cáo không ý kiến gì về các hoạt động tố tụng.

Qua tranh tụng tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Quảng Ngãi giữ nguyên cáo trạng và quyết định truy tố đối với các bị cáo đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố các bị cáo A S và A B1 phạm tội "*Cướp giật tài sản*" và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Căn cứ điểm d, i khoản 2 Điều 171; Điều 17; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 58 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo A S từ 05 năm đến 06 năm tù.

- Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 171; Điều 17; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 58 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo A B1 từ từ 04 năm đến 05 năm tù.

- Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo đều làm nông, có thu nhập không ổn định và hiện đang bị tạm giam nên không áp dụng hình phạt tiền là hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

- Về xử lý vật chứng:

+ Đề nghị tịch thu tiêu huỷ đối với 01 (một) áo sơ mi màu xanh, ngắn tay, trước ngực trái có nhãn bằng cao su, có dòng chữ "CONVERSE ALL STAR"; 01 (một) quần Jean màu xanh có dòng chữ "DSOUAFED 1964 FA SHION JEANS", size: 32; 01 (một) đôi dép màu trắng (loại dép tông) dài 27cm, đo chỗ rộng nhất 10,3cm, đo chỗ hẹp nhất 8,1cm; 01 (một) áo thun ngắn tay màu đen, phần trước ngực có chữ "AIRCRAFTS" màu trắng, có hình ảnh trắng và đen, 01 (một) quần Jean lửng, màu xám.

+ Tích thu nộp ngân sách nhà nước số tiền 40.000 (Bốn mươi nghìn) đồng thu giữ của A B1.

- Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Phạm Thị Mỹ T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Hồ Công P1 không ai có yêu cầu gì nên không xem xét.

Lời nói sau cùng của các bị cáo: Các bị cáo không ai có ý kiến tranh luận gì với lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát và không nói lời nói sau cùng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự; trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa không ai có ý kiến hoặc khiếu nại gì nên hợp pháp.

Đối với sự vắng mặt của bị hại, người đại diện hợp pháp bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Xét thấy, việc vắng mặt của những người nói trên không gây trở ngại cho việc giải quyết vụ án nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Về nội dung vụ án và căn cứ định tội: Tại phiên tòa các bị cáo A S và A B1 đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên toà phù hợp với nhau và phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các tài liệu, chứng cứ khác được thu thập hợp lệ có trong hồ sơ vụ án nên có đủ căn cứ kết luận:

Khoảng 16 giờ 50 phút ngày 20/9/2025, tại ngã tư đường T - P thuộc phường K, tỉnh Quảng Ngãi, các bị cáo A B1 và A S đã có hành vi điều khiển xe mô tô áp sát bị hại là chị Phạm Thị Mỹ T để giật tài sản là 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Sam Sung A13 có trị giá là 1.250.000 đồng. Hành vi điều khiển xe mô tô là phương tiện có tốc độ cao để thực hiện hành vi giật tài sản của các bị cáo đã phạm vào tội "Cướp giật tài sản" với tình tiết định khung "Dùng thủ đoạn nguy hiểm" quy định tại điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ luật Hình sự. Ngoài ra đối với bị cáo A S năm 2020 đã bị kết án về tội phạm rất nghiêm trọng do cố ý, chưa được xóa án tích mà lại thực hiện hành vi phạm tội về tội phạm rất nghiêm trọng do cố ý nên thuộc trường

hợp "Tái phạm nguy hiểm" là tình tiết định khung quy định tại điểm i khoản 2 Điều 171 Bộ luật Hình sự. Do đó, Cáo trạng số 68/CT-VKSKV7 ngày 05/3/2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Quảng Ngãi đã truy tố bị cáo A S về tội "*Cướp giật tài sản*" theo quy định tại điểm d, i khoản 2 Điều 171 Bộ luật hình sự và truy tố bị cáo A B1 về tội "*Cướp giật tài sản*" theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ luật hình sự là có căn cứ và đúng quy định của pháp luật.

[3] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo:

Xét hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, cố ý xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự tại địa phương. Hành vi sử dụng xe mô tô là phương tiện có tốc độ cao để thực hiện hành vi phạm tội của các bị cáo không chỉ gây thiệt hại về tài sản cho chủ sở hữu mà có thể gây ra những hậu quả nghiêm trọng khác cho bị hại cũng như những người tham gia giao thông. Khi thực hiện hành vi phạm tội các bị cáo có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự và nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vì muốn có tiền tiêu xài cá nhân mà các bị cáo đã bất chấp thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý. Hành vi phạm tội của các bị cáo còn có tính chất đồng phạm giản đơn. Trong đó, bị cáo A B1 là người có vai trò khởi xướng đồng thời là người thực hành, bị cáo A S có vai trò là người thực hành trực tiếp thực hiện hành vi giật tài sản. Vì vậy, cần phải xem xét tính chất, mức độ, hành vi phạm tội, vai trò và nhân thân của từng bị cáo để xử phạt các bị cáo một mức án nghiêm minh, tương xứng với tính chất, mức độ và hành vi phạm tội của từng bị cáo trong vụ án.

[4] Về nhân thân và tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Về nhân thân: Các bị cáo được xác định là những người có nhân thân xấu, đều đã từng bị kết án, đặc biệt là bị cáo A S đã hai lần bị kết án về tội "Cướp giật tài sản" nhưng không lấy đó làm bài học cho bản thân mà vẫn tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội.

- Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng quy đinh tại khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

- Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo A B1 đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi của mình; đối với bị cáo A S nhiều lần bị kết án về tội "Cướp giật tài sản" điều này thể hiện bị cáo chưa có sự ăn năn hối cải. Tuy nhiên, trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình nên cần áp dụng cho các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự để xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo khi quyết định hình phạt.

[5] Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo đều làm nông, có thu nhập không ổn định và hiện đang bị tạm giam nên không áp dụng hình phạt tiền là hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[6] Về xử lý vật chứng đã được thu giữ:

+ Đối với 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Sam Sung A13, màu đen. Cơ quan điều tra đã trả lại cho bị hại là đúng quy định của pháp luật nên không xem xét.

+ Đối với 01 (một) áo sơ mi màu xanh, ngắn tay, trước ngực trái có nhãn bằng cao su, có dòng chữ "CONVERSE ALL STAR"; 01 (một) quần Jean màu xanh có dòng chữ "DSOUAFED 1964 FA SHION JEANS", size: 32; 01 (một) đôi dép màu trắng (loại dép tông) dài 27cm, đo chỗ rộng nhất 10,3cm, đo chỗ hẹp nhất 8,1cm; 01 (một) áo thun ngắn tay màu đen, phần trước ngực có chữ "AIRCRAFTS" màu trắng, có hình ảnh trắng và đen; 01 (một) quần Jean lửng, màu xám. Xét thấy, đây là trang phục các bị cáo mặt khi thực hiện hành vi phạm tội, Cơ quan điều tra thu giữ để đối chiếu nhận diện phục vụ công tác điều tra, những vật chứng này không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu huỷ.

+ Đối với số tiền 40.000 đồng, thu giữ của A B1, đây là tiền có được từ việc bán tài sản do phạm tội mà có. Theo quy định sẽ trả lại cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Hồ Công P1; tuy nhiên, trong quá trình điều tra anh Hồ Công P1 không yêu cầu các bị cáo trả lại số tiền 700.000 đồng và cũng không nhận lại số tiền 40.000 đồng đã được thu giữ nên cần tịch thu sung quỹ nhà nước.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại chị Phạm Thị Mỹ T và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Hồ Công P1 không yêu cầu các bị cáo bồi thường gì về dân sự nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về những tình tiết khác có liên quan:

Đối với A T1 là người cho A B1 mượn xe mô tô biển kiểm soát 82B1-096.31 là phương tiện A S, A B1 sử dụng trong quá trình cướp giật tài sản; A B3 là người cho A S, A B1 mượn xe mô tô Wave, không rõ biển số là phương tiện A S, A B1 sử dụng để đi bán chiếc điện thoại di động; anh Hồ Công P1 là người đã mua lại chiếc điện thoại di động từ A S, A B1. Tuy nhiên A T1, A B3 không biết việc A S, A B1 sử dụng xe mô tô của mình để thực hiện hành vi phạm tội, anh P1 không biết chiếc điện thoại di động trên là tài sản do phạm tội mà có. Vì vậy, việc Cơ quan CSĐT – Công an tỉnh Q không xem xét trách nhiệm hình sự đối với A T1, A B3 và Hồ Công P1 là có căn cứ.

[9] Về án phí: Các bị cáo A S, A B1 phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo A S và A B1 phạm tội *"Cướp giật tài sản"*.

2. Về điều luật áp dụng và hình phạt:

- Căn cứ điểm d, i khoản 2 Điều 171; Điều 17; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025.

Xử phạt bị cáo A S 05 *(Năm)* năm 06 *(S1)* tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 21/9/2025.

- Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 171; Điều 17; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025.

Xử phạt bị cáo A B1 04 *(B4)* năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 21/9/2025.

3. Về vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự 2015.

- Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) áo sơ mi màu xanh, ngắn tay, trước ngực trái có nhãn bằng cao su, có dòng chữ "CONVERSE ALL STAR"; 01 (một) quần Jean màu xanh có dòng chữ "DSOUAFED 1964 FA SHION JEANS", size: 32; 01 (một) đôi dép màu trắng (loại dép tông) dài 27cm, đo chỗ rộng nhất 10,3cm, đo chỗ hẹp nhất 8,1cm; 01 (một) áo thun ngắn tay màu đen, phần trước ngực có chữ "AIRCRAFTS" màu trắng, có hình ảnh trắng và đen và 01 (một) quần Jean lửng, màu xám.

- Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước: Đối với số tiền 40.000 đồng *(Bốn mươi nghìn đồng)* theo giấy Ủy nhiệm chi ngày 30/3/2026; chuyển tiền vào tài khoản số 3949.0.1054192.00000 của Thi hành án dân sự khu vực 7 – Quảng Ngãi tại Kho bạc Nhà nước khu vực XV – Phòng nghiệp vụ số 2.

(Các vật chứng nêu trên có đặc điểm theo như biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 23 tháng 3 năm 2026 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Q và Phòng Thi hành án dân sự khu vực 7 – tỉnh Quảng Ngãi).

4. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 6; Điều 21; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Buộc các bị cáo A S và A B1 mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng *(Hai trăm nghìn đồng)* án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331 và 333 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (14/4/2026) các bị cáo có quyền kháng cáo bản án theo trình tự phúc thẩm. Riêng bị hại, người đại diện hợp pháp của bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án theo trình tự phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND khu vực 7 – Quảng Ngãi;
- Cơ quan CSĐT CA tỉnh Quảng Ngãi;
- Trại TG số 2 - CA tỉnh Quảng Ngãi;
- Phòng THADS KV 7 – Quảng Ngãi ;
- Bị cáo và các đương sự khác;
- Sơ Tư pháp tỉnh Quảng Ngãi ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Hữu Tiến

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các hội thẩm nhân dân **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Nguyễn Hữu Tiến

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các hội thẩm nhân dân **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Nguyễn Hữu Tiến